TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 21 tháng 01 năm 2022
V/v tranh chấp "Vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**
2. Ông **Lương Chí Nguyện**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đèo**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa*:* Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST – DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST – DS ngày 02 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-DS ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1968.
+ Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh B

Bị đơn:
1. Chị **Lê Phương N**, sinh năm 1987.
2. Anh **Lưu Tính T**, sinh năm 1983
3. Bà **Nguyễn Lệ Ng**, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh B

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà **Âu Ngọc A**, sinh năm 1966
Địa chỉ: Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh B.

(Bà Nguyễn Thị Mỹ T có mặt; chị Lê Phương N, anh Lưu Tính T, bà Nguyễn Lệ Ng vắng mặt không có lý do chính đáng; bà Âu Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại lời khai và phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Chị Lê Phương N, bà Nguyễn Lệ Ng, anh Lưu Chí T có nhờ bà T vay tiền nhiều lần từ năm 2017 lãi xuất thỏa thuận 3%/ tháng, có viết biên nhận nợ ngày 15/01/2017, bà T giao tiền trực tiếp cho chị N, anh T và bà Ng. Đến ngày 18/5/2020 các bên có

viết lại biên nhận và có đến chính quyền địa phương xác nhận. Nội dung biên nhận nợ thể hiện chị Lê Phương N, anh Lưu Tính T và Nguyễn Lệ Ng có nhờ bà T hỏi dùm số tiền 850.000.000đ, phía chị N, anh T và bà Ng có ký tên vào biên nhận. Trong quá trình vay tiền phía chị N, anh T bà Ng có trả cho bà được 02 lần tiền lãi tổng số tiền là 12.000.000đ vào khoảng năm 2017.

Đến thời điểm hiện nay, số tiền vốn còn nợ tổng cộng là 850.000.000đ, bà T có đến nhà chị N, anh T và bà Ng đòi nhiều lần nhưng không được. Nay bà T yêu cầu chị N, anh T và bà Ng cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 850.000.000đ và lãi xuất kể từ ngày 18/5/2020 theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 06/9/2021 bị đơn chị Lê Phương N và ông Lưu Tính T trình bày:

- Chị N trình bày: Chị bắt đầu vay tiền của bà T từ năm 2014, tổng số tiền chị vay là 650.000.000đ cộng với số tiền mẹ chị là bà Ng vay thêm khoảng 50.000.000đ-60.000.000đ. Sau đó bà T cộng tiền lời vô tổng cộng là 850.000.000đ, kêu gia đình chị ký nhận để bà T tìm cách bán hoặc tìm người cố căn nhà. Chị N xác định chị, anh T, bà Ng có ký vào giấy nhận nợ để bà T bán hoặc cố căn nhà dùm. Khi nào bán được nhà sẽ trả tiền cho bà T.

- Anh Lưu Tính T trình bày: Anh không biết và không hay số tiền vợ anh chị N và mẹ là bà Ng vay của bà T. Đối với biên nhận ngày 18/5/2020 thì anh T có ký tên nhận nợ nhưng nội dung lúc nói với anh là khác không giống với nội dung trong đơn.

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Lệ Ng*:* Bà Nguyễn Lệ Ng vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án nên không tiến hành ghi nhận ý kiến của bà Ng được.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Âu Ngọc A trình bày*:* Bà và nguyên đơn bà T có giao dịch vay tiền, còn việc bà T cho chị N, anh T và bà Ng vay tiền như thế nào bà không biết, bà có nghe việc bà T cho chị N, bà Ng vay tiền, nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu bà không rõ. Bà A xác định việc vay tiền của các bên không liên quan đến bà. Bà chỉ trực tiếp giao dịch với bà T, nay bà T khởi kiện thì chị N, anh T và bà Ng có nghĩa vụ trả số tiền vay cho bà T.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Phương N, bà Nguyễn Lệ Ng và ông Lưu Tính T theo quy định của pháp luật, nhưng chị N, bà Ng và ông T không có mặt theo giấy triệu tập, nên Tòa án không tiến hành làm việc được. Quá trình đưa vụ án ra xét xử chị N, anh T và bà Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt chị N, anh T và bà Ng là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T đã thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ LTTDS 2015. Bị đơn anh Lưu Tính T, chị Lê Phương N và bà Nguyễn Lệ Ng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ LTTDS 2015. Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn chị N, anh T, bà Ng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên

Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về phần nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T. Buộc chị Lê Phương N, anh Lưu Tính T và bà Nguyễn Lệ Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền vay 850.000.000đ và tiền lãi kể từ ngày 18/5/2020 cho đến ngày 21/01/2022 theo quy định tại khoản 2 Điều 268 Bộ luật dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ T, yêu cầu chị N, anh T và bà Ng trả số tiền nợ 850.000.000đ, căn cứ vào biên nhận lập ngày 18/5/2020 thì chị N, anh T và bà Ng ký nhận và có xác nhận của chính quyền địa phương.

[2] Xét thấy, Chị N thừa nhận có ký vào giấy nhận nợ để cho bà T bán hoặc cố căn nhà dùm, anh T thì xác định mình có ký tên vào biên nhận nhưng nội dung lúc đó là khác. Nhưng quá trình giải quyết vụ án chị N và anh T không đưa ra được căn cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, và bà T cũng không thừa nhận lời trình bày này.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu chị N, anh T và bà Ng cùng có trách nhiệm trả số tiền vay 850.000.000đ để chứng minh cho yêu cầu này bà T cung cấp giấy biên nhận nợ được lập ngày 18/5/2020. Biên nhận thể hiện nội dung *" ...Chúng tôi có mượn dì Nguyễn Thị Mỹ T hỏi dùm tổng cộng 850.000.000đ ngày 15/01/2017. Chúng tôi hứa nếu chúng tôi có cầm cố hoặc sang bán quyền sở hữu nhà, chúng tôi sẽ trả cho dì T đủ số tiền 850.000.000đ "*. Phía dưới người mượn tiền có chữ ký và tên của chị Lê Phương N, anh Lưu Tính T, bà Nguyễn Lệ Ng. Như vậy là phù hợp với lời trình bày của bà T.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành ghi lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Âu Ngọc A xác định bà có nghe việc bà T cho chị N, anh T và bà Ng vay tiền, nhưng số tiền bao nhiêu bà không biết. Bà A xác định việc vay tiền của các bên không liên quan đến bà. Bà chỉ trực tiếp giao dịch với bà T. Nay bà T khởi kiện thì chị N, anh T và bà Ng có nghĩa vụ trả số tiền vay cho bà T. Do đó, trong vụ án này xem xét và giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản nguyên đơn bà T và bị đơn chị N, anh T và bà Ng là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Chị N, anh T và bà Ng cùng vay số tiền 850.000.000đ của bà T nay bà T yêu cầu có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 288 BLDS 2015.

Bà T thừa nhận trong quá trình vay tiền phía chị N, anh T và bà Ng có trả tổng cộng 12.000.000đ tiền lãi vào khoảng năm 2017. Đối với phần tiền lãi đã đóng các bên không yêu cầu xem xét lại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Đối với phần lãi xuất: Bà T yêu cầu trả lãi từ ngày 18/5/2020, xét thấy bà T đã giao đầy đủ số tiền cho bên vay là chị N, anh T và bà Ng. Từ khi các bên ghi biên nhận nợ (18/5/2020) phía chị N, anh T và bà Ng không trả vốn cũng như lãi xuất nên đã vi phạm nghĩa vụ của mình. Do đó căn cứ Điều 466, 468 buộc chị N, anh T và bà

Ng có trách nhiêm trả lãi xuất trên số tiền vay 850.000.000đ theo quy định pháp luật kể từ ngày 18/5/2020.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định việc chị Lê Phương N, ông Lưu Tính T và bà Nguyễn Lệ Ng vay bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 850.000.000đ là có xảy ra trên thực tế. Buộc chị N, ông T và bà Ng có nghĩa vụ trả số tiền nợ vốn cho bà T là 850.000.000đ, tiền lãi kể từ ngày 18/5/2020 cho đến ngày xét xử ngày 21/01/2022 (là 20 tháng 03 ngày) với lãi suất 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng = 141.805.000đ. Tổng cộng là 991.805.000đ.

[6] Xét phần trình bày ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Mặc dù bà Nguyễn Lệ Ng là người cao tuổi và thuộc trường hợp miễn án phí nhưng do không có đơn đề nghị nên vẫn phải chịu án phí. Chị Lê Phương N, anh Lưu Tính T và bà Nguyễn Lệ Ng có trách nhiệm liên đế phải nộp tổng cộng là 41.754.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai khi án có hiệu lực pháp luật . Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 18.750.000đ, lai thu số 0003629 ngày 21/6/2021 của bà Nguyễn Thị Mỹ T tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 178 , khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1**.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với chị Lê Phương N, anh Lưu Tính và bà Nguyễn Lệ Ng về việc tranh chấp tiền vay.

Buộc chị Lê Phương N, anh Lưu Tính T và bà Nguyễn Lệ Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền vay vốn là 850.000.000đ, tiền lãi là 141.805.000đ, tổng cộng là 991.805.000đ (Chín trăm chín mươi mốt triệu, tám trăm lẽ năm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Lê Phương N, anh Lưu Tính T và bà Nguyễn Lệ Ng có trách nhiệm liên đới nộp 41.754.000đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai khi án có hiệu lực pháp luật . Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 18.750.000đ, lai thu số 0003629 ngày 21/6/2021 của bà Nguyễn Thị Mỹ T tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được hoàn lại đủ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do N hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thõa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

- Nơi nhận:
+ TAND tỉnh B;
+ VKSND thị xã Giá Rai;
+ Chi cục THADS G;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phai

-